

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN XUÂN HẢI

**DU LỊCH BIỂN THANH HÓA TRONG BỐI CẢNH BIỂN ĐỔI
KHÍ HẬU**
(NGHIÊN CỨU HÀNH VI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN)

Chuyên ngành: Du lịch
Mã số: 981010.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ DU LỊCH

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. Trần Đức Thanh

HÀ NỘI - 2023

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Đức Thanh

Phản biện: GS.TS. Trương Quang Hải

Phản biện: PGS.TS. Bùi Hoài Sơn

Phản biện: PGS.TS. Đỗ Thị Bình

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học xã hội
và Nhân văn vào hồi 14 giờ ngày 18 tháng 07 năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LUẬN ÁN

1. Lý do lựa chọn đề tài

Du lịch là một trong những ngành kinh tế có triển vọng và năng động nhất trên thế giới. Điều quan trọng là lập kế hoạch và phát triển du lịch một cách có mục đích và bền vững thông qua việc tìm kiếm sự thỏa hiệp giữa các mục tiêu môi trường, kinh tế và xã hội của xã hội. Quản lý phát triển du lịch bền vững phải duy trì mức độ thỏa mãn cao nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo trải nghiệm ý nghĩa cho người tiêu dùng, nâng cao nhận thức của họ về các vấn đề bền vững và tuyên truyền các thực hành du lịch bền vững trong cộng đồng (Streimikiene và cộng sự, 2020)

Việt Nam có 125 huyện thuộc 28 tỉnh, thành giáp biển. Trên dọc 3.260 km đường bờ biển có 124 bãi biển đẹp, hàng chục vịnh nổi tiếng trong và ngoài nước. Hoạt động chủ yếu của khách du lịch khi về các vùng biển là tắm biển hoặc nghỉ dưỡng biển. Chính vì vậy, du lịch biển ở Việt Nam dọc từ Quảng Ninh đến Kiên Giang đã và đang được Đảng và Nhà nước quan tâm phát triển bền vững đáp ứng mục tiêu môi trường, kinh tế và xã hội của xã hội.

Diện tích tự nhiên của vùng lãnh thổ nơi diễn ra hoạt động du lịch biển là 126.747 km². Trong khu vực này có 7/8 di sản thế giới; 6/8 khu dự trữ sinh quyển; có 8 vườn quốc gia nằm và nhiều di tích văn hóa - lịch sử có giá trị để phát triển kinh tế biển, trong đó có du lịch (Trần Đức Thanh, Trần Thị Mai Hoa, 2017). Trong “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”, Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh “Ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo và du lịch thể thao, giải trí biển phù hợp định hướng Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam”. Đồng thời, Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045” xác định “du lịch biển đảo là một trong 4 sản phẩm chủ đạo, có lợi thế của du lịch Việt Nam, Phát triển du lịch biển, đảo là một trong những nội dung góp phần hình thành các khu kinh tế biển trọng điểm”.

Du lịch biển là thành phần lớn nhất của ngành du lịch Việt Nam nói riêng, các nước có biển khác trên thế giới nói chung. Tuy nhiên, cho đến nay, du lịch biển đang phải đối mặt với một trong những vấn đề có

tính chất toàn cầu là vấn đề biến đổi khí hậu. Có thể khẳng định rằng, du lịch biển là loại hình du lịch nhạy cảm nhất với sự biến đổi khí hậu.

Trong những năm qua các tổ chức quốc tế, các cơ quan chính quyền của các quốc gia đã giành nhiều quan tâm đến ứng phó với BĐKH. Các báo cáo của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC) liên quan tới việc thực thi Công ước khung Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu từ COP1 đến COP 27 là những ví dụ điển hình về sự quan tâm của các tổ chức quốc tế về biến đổi khí hậu. Đảng và Nhà nước ta cũng đặc biệt quan tâm về vấn đề này. Điều đó thể hiện qua việc ban hành nhiều văn bản như Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW, Quyết định 896/QĐ-TTg 2022, Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 v.v...

Việc nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống kinh tế xã hội nói chung, đến hoạt động du lịch nói riêng cũng được rất nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Chỉ tính riêng các công trình trên WOS từ năm 2011 đến năm 2021 trung bình mỗi năm có đã có 22,8 công trình nghiên cứu liên quan đến du lịch và biến đổi khí hậu. Theo thống kê chưa đầy đủ của tác giả, cho đến nay có hàng trăm công trình nghiên cứu về mối liên hệ giữa du lịch và biến đổi khí hậu được công bố bằng tiếng Việt. Hầu hết các công trình này chỉ ra tác động của du lịch đến tài nguyên du lịch, đến cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đến hoạt động du lịch và ứng phó và thích ứng của các bên liên quan với biến đổi khí hậu.

Theo “Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam” của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh Hóa là một trong những khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của biến đổi khí hậu: “khi nước biển dâng 50cm do BĐKH, Thanh Hóa có thể bị ngập mất 0,51% diện tích đất và nếu kịch bản nước biển dâng 100cm thì Thanh Hóa có thể bị ngập 1,43% diện tích đất”. Rõ ràng những phần bị ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu ở Thanh Hóa là vùng biên, do vậy nó sẽ tác động trực tiếp đến các hoạt động du lịch ở đây. Chính vì vậy, việc nghiên cứu “Du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu (nghiên cứu hành vi của các bên liên quan)” ở các vùng biển của Thanh Hóa như thế nào để ứng phó với biến đổi khí hậu là một vấn đề cần phải nhanh chóng làm rõ để đề xuất được các chính sách phù hợp cho phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa một cách bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là nghiên cứu làm rõ tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch biển Thanh Hóa và hành vi của các bên liên quan đến giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phát triển du lịch bền vững. Từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm phát triển du lịch biển Thanh Hóa bền vững trong bối cảnh BĐKH

Nhiệm vụ nghiên cứu

- 1) Nhận diện được thực trạng tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động du lịch biển và dự đoán được các tác động đó trong tương lai theo kịch bản biến đổi khí hậu
 - 2) Xác định được hành vi của các bên liên quan đến BĐKH trong phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa;
 - 3) Làm rõ hành vi của các bên liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ với BĐKH nhằm phát triển du lịch biển Thanh Hóa bền vững và đề xuất được những hàm ý thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH để phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa một cách bền vững
3. **Câu hỏi nghiên cứu**

- 1) BĐKH đã tác động đến hoạt động du lịch biển ở Thanh Hóa như thế nào ?
- 2) Hành vi của các bên liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ BĐKH trong hoạt động phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa như thế nào ?
- 3) Các bên liên quan sẽ có những hành vi gì để thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH trong tương lai nhằm phát triển du lịch biển Thanh Hóa bền vững ?
- 4) Đây là những hàm ý thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH để phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa một cách bền vững ?

4. **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những hiểu biết, nhận thức về tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển ở Thanh Hóa trong hiện tại, tương lai và hành vi của các bên liên quan trước tác động của BĐKH nhằm phát triển du lịch biển Thanh Hóa theo hướng bền vững.

Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung

Trong khuôn khổ luận án này, nội dung tập trung vào nghiên cứu về tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển ở Thanh Hóa và hành vi của các bên liên quan trong việc giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH nhằm phát triển du lịch biển ở đây một cách bền vững.

- Phạm vi thời gian

Các thông tin diễn biến các yếu tố khí hậu, các biểu hiện, xu hướng BĐKH và tác động của BĐKH tới du lịch biển ở Thanh Hóa được cập nhật trong thời gian từ năm 1990 đến năm 2022.

+ Các dữ liệu thứ cấp về tác động của BĐKH tới ngành du lịch từ năm 2010 đến 2022.

+ Các dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát trong năm 2022.

- Phạm vi không gian

Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu tập trung các địa điểm có hoạt động du lịch biển ở tỉnh Thanh Hóa như Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa, Hải Thanh, Tiên Trang, Bãi Đông Nghi Sơn...

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Đóng góp về mặt lý luận

- Luận án đã hệ thống hoá và làm rõ được những lý luận cơ bản về du lịch biển, biến đổi khí hậu, lý thuyết nền nghiên cứu về du lịch biển trong bối cảnh BĐKH và xây dựng được mô hình nghiên cứu.

- Luận án đã tổng quan được các công trình nghiên cứu về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch.

- Luận án đã vận dụng, điều chỉnh, mở rộng từ các mô hình nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là mô hình thuyết hành động hợp lý (TRA), thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TBL) và thuyết các bên liên quan để khám phá hiểu biết và hành vi ứng phó với BĐKH của các bên liên quan phù hợp với hoàn cảnh phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa nói riêng, ở Việt Nam nói chung

- Luận án đã kiểm định và vận dụng thành phần đo lường về hiểu biết, nhận thức và hành vi cá nhân liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH của (Akompab và cộng sự, 2013; Bai và cộng sự 2013a;

Yu và cộng sự, 2013; Wei và cộng sự, 2014), từ góc độ du lịch biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, Luận án cũng kiểm định và vận dụng các thành phần thang đo lường bền vững về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường của (Iniesta-Bonillo và cộng sự, 2016). Các biến đo lường này được áp dụng để xác định hiểu biết và hành vi của các bên liên quan ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa.

Đóng góp về mặt thực tiễn

- Luận án đã phân tích, đánh giá được thực trạng tác động biến đổi khí hậu đến du lịch biển Thanh Hoá, đã đo lường, kiểm định được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của các bên liên quan trước tác động của BĐKH trong du lịch biển ở Thanh Hoá.

- Đề tài xác định được BĐKH tác động đến hành vi của các bên liên quan trong phát triển du lịch biển.

- Xác định được các biểu hiện, xu hướng và mối quan hệ giữa du lịch biển và biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch biển Thanh Hóa.

- Chỉ ra cảm nhận của các bên liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ BĐKH trong hoạt động phát triển du lịch biển bền vững.

- Luận án là tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy chuyên ngành du lịch và lĩnh vực BĐKH.

- Luận án đã đưa ra một số hàm ý chính sách và khuyến nghị của luận án về phát triển du lịch biển một cách bền vững ở Thanh Hóa trong bối cảnh BĐKH có ý nghĩa đối với việc hoạch định chính sách và quản lý du lịch biển ở Thanh Hóa và một số khu vực ven biển khác có điều kiện tương đồng.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH BIỂN TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1. Tổng quan nghiên cứu về du lịch biển và biến đổi khí hậu

Trong số 9.248 nguồn dữ liệu có chứa các từ khóa liên quan, có 4.435 dữ liệu nguồn chứa từ khóa Tourism & Climate change, 799 dữ liệu nguồn chứa từ khóa Tourism & Climate change review. Tiếp theo đó là từ khóa Coastal tourism & Climate change có 780 dữ liệu nguồn, Marine tourism & Climate change 416, Beach tourism & Climate change 256, Sustainable

marine tourism **784** Sustainable tourism & climate change có **1156** Tourism and climate change adaptation strategies/ 371, Tourism operators & Climate change **150**, Mitigation climate change in tourism **401**. Nghiên cứu tiếp tục dựa trên nội hàm của vấn đề nghiên cứu, đã xác định được 10 từ khóa để tìm kiếm các công trình nghiên cứu có liên quan. Kết quả thu về được 502 công trình nghiên cứu.

Nghiên cứu tiếp tục dựa trên nội hàm của vấn đề nghiên cứu, đã xác định được 10 từ khóa để tìm kiếm các công trình nghiên cứu có liên quan. Sau khi loại bỏ trùng lặp và các nội dung không liên quan trực tiếp tới vấn đề nghiên cứu, có 330 công trình nghiên cứu được xác định để thực hiện tổng quan tài liệu. Kết quả phân tích từ khóa các nghiên cứu có cùng chủ đề được nhóm lại như sau:

- (1) Nhóm nghiên cứu thứ nhất: Tác động của biến đổi khí hậu đối với du lịch biển
- (2) Nhóm nghiên cứu thứ hai: Sự thích ứng của du lịch biển đối với biến đổi khí hậu
- (3) Nhóm nghiên cứu thứ ba: Hành vi ứng phó của du lịch biển với biến đổi khí hậu
- (4) Nhóm nghiên cứu thứ tư: Các thuyết cơ bản liên quan đến nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu
- (5) Nhóm nghiên cứu thứ năm: Các mô hình nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu
- (6) Nhóm nghiên cứu thứ sáu: Những nghiên cứu về BĐKH tại Việt Nam và du lịch Thanh Hóa trong thời gian gần đây

1.2. Khoảng trống nghiên cứu

Tổng quan cũng cho thấy một số khoảng trống khác cần được nghiên cứu là:

- (1) Nhận thức, hiểu biết và hành vi của các bên liên quan về tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch biển sẽ giúp định hướng các hoạt động giáo dục và tuyên truyền để tăng cường ý thức và hành động của các bên liên quan trong việc ứng phó với BĐKH.
- (2) Biện pháp ứng phó của các bên liên quan: Nghiên cứu về các biện pháp ứng phó của các bên liên quan như chính quyền địa phương, các nhà cung cấp dịch vụ, du khách, cộng đồng địa phương.
- (3) Tác động của du lịch biển đến môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường: Nghiên cứu về tác động của du lịch biển đến môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ giúp định hướng các hoạt động du

lịch bền vững, từ đó đảm bảo sự phát triển của ngành du lịch biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

1.3. Cơ sở lý luận

1.3.1. Khái niệm du lịch biển

Trong luận án này, du lịch biển sẽ được hiểu là “Du lịch biển là loại hình khách du lịch về với các miền biển, các bãi biển để tham gia vào các hoạt động liên quan đến biển như tắm biển, thể thao biển, tham quan, trải nghiệm văn hóa cư dân vùng biển” (Trần Đức Thanh và cs, 2022:339)

1.3.2. Khái niệm biến đổi khí hậu

Sự biến đổi về trạng thái của hệ thống khí hậu, có thể được nhận biết qua sự biến đổi về trung bình và sự biến động của các thuộc tính của nó, được duy trì trong một thời gian đủ dài, điển hình là hàng thập kỷ hoặc dài hơn. BĐKH có thể do các quá trình tự nhiên bên trong hệ thống khí hậu, hoặc do những tác động từ bên ngoài, hoặc do tác động thường xuyên của con người làm thay đổi thành phần cấu tạo của khí quyển hoặc sử dụng đất”

1.3.3. Kịch bản

Kịch bản BĐKH là bức tranh toàn cảnh của khí hậu trong tương lai dựa trên một tập hợp các mối quan hệ khí hậu, được xây dựng để sử dụng trong nghiên cứu những hậu quả của BĐKH do con người gây ra và thường được dùng như là đầu vào cho các quy mô đánh giá tác động.

1.3.4. Ứng phó với biến đổi khí hậu

Ứng phó với BĐKH gồm hai hợp phần chính là thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ BĐKH, Theo đó Thích ứng (Adaptation) với BĐKH là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc KT-XH đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị tổn thương do dao động và BĐKH hiện hữu hoặc tiềm tàng và tận dụng các cơ hội do nó mang lại. Giảm nhẹ (Mitigation) BĐKH là các hoạt động nhằm giảm mức độ hoặc cường độ phát thải KNK [Bộ TN&MT, 2008b].

1.3.5. Phát triển du lịch bền vững

1.3.5.1. Khái niệm

Tại Việt Nam, Luật Du lịch năm 2017 cho rằng, “*Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai*” (Luật du lịch Việt Nam, 2017).

1.3.5.2. Mục tiêu phát triển du lịch bền vững

Các mục tiêu đưa ra đều quan trọng như nhau và không có mục tiêu nào được nhấn mạnh hơn khả năng tăng trưởng kinh tế cho cộng đồng địa phương, tăng thu nhập và xóa đói giảm nghèo cho người dân; bảo đảm công bằng xã hội, đa dạng văn hóa; tăng khả năng bảo vệ tài nguyên, duy trì đa dạng sinh học trong tự nhiên.

1.3.5.3. Nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

5 nguyên tắc phát triển tập trung vào du lịch bền vững, bao gồm sử dụng tốt nhất các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường, tôn trọng và bảo tồn tính nguyên bản của văn hóa cộng đồng và xã hội, đảm bảo các hoạt động kinh tế lâu dài, khả thi và công bằng cho các bên liên quan, thu hút sự tham gia của tất cả các bên liên quan và duy trì mức độ hài lòng cao của du khách.

1.3.5.4. Nội hàm của phát triển du lịch bền vững

Phát triển bền vững là sự phát triển hài hòa, chặt chẽ ba mặt của nền kinh tế. Phát triển, tức là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng các yêu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu phát triển của các thế hệ tương lai.

1.3.6. Thuyết nền nghiên cứu về du lịch biển trong BDKH

- Thuyết hành hành động hợp lý (TRA)
- Thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TPL)
- Lý thuyết các bên liên quan

1.3.7. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

1.3.7.1. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên hai lý thuyết TRA, TBL và các nghiên cứu hiện có như đã được xem xét trong các phần trước và cơ sở xây dựng lý luận ở trên, giả thuyết nghiên cứu được xây dựng như sau:

Giả thuyết chính:

Hành vi của các bên liên quan trong phát triển du lịch biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

Cụ thể:

H1: Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi cá nhân của các bên liên quan đến BDKH.

H2: Hiểu biết về biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi cá nhân của các bên liên quan đến BDKH.

H3: Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng đến giảm nhẹ với BĐKH.

H4: Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng đến thích ứng với BĐKH.

H5: Hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến giảm nhẹ với BĐKH.

H6: Hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến thích ứng với BĐKH.

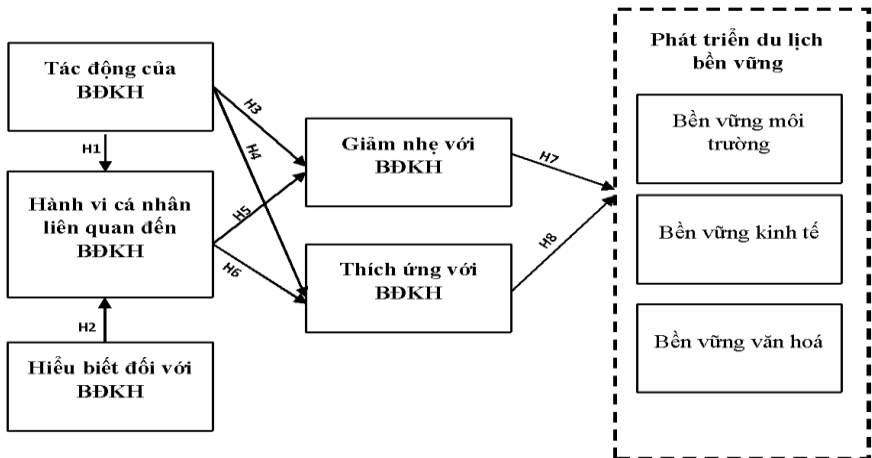
H7: Giảm nhẹ đối với BĐKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững.

H8: Thích ứng với BĐKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững.

H9: Giảm nhẹ đối với BĐKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững.

H10: Thích ứng đối với BĐKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững.

1.3.7.2. Mô hình nghiên cứu



Hình 1.10: Mô hình nghiên cứu của đề tài

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tiếp cận phát triển bền vững

Việc tiếp cận nghiên cứu phát triển du lịch biển Thanh Hóa theo hướng bền vững trong điều kiện BĐKH như hiện nay là vấn đề cấp thiết, phù hợp với mục tiêu 13 của Liên Hợp Quốc về hành động chung của các bên liên quan nhằm giảm thiểu và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu hướng tới phát triển bền vững và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

2.2. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu của luận án được thực hiện thông qua 2 giai đoạn và các bước cụ thể

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu, luận án tiếp cận các phương pháp nghiên cứu: thu thập dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu trắc lượng thư mục, nghiên cứu thực địa và sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật thảo luận nhóm tập trung để khám phá và phương pháp chuyên gia để điều chỉnh thuật ngữ trong thang đo của các khái niệm nghiên cứu và kiểm định mô hình lý thuyết cùng với các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu định tính giúp chỉnh sửa mô hình có 55 biến quan sát đo lường 8 khái niệm cấu trúc trong mô hình. Trong giai đoạn đầu, tác giả sử dụng phương pháp định lượng với kỹ thuật phát bảng câu hỏi khảo sát và phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính-SEM (Structural Equation Modeling) để thực hiện nghiên cứu thử nghiệm, tiến hành với 290 mẫu khảo sát các bên liên quan. Kết quả phân tích cho thấy độ tin cậy của các biến quan sát đều có hệ số Cronbach's Alpha (>0.7) và Hệ số tương quan giữa biến quan sát và tổng (>0.3) đạt ngưỡng chuẩn. Sau đó tiến hành nghiên cứu sơ bộ thang đo và giới thiệu nghiên cứu chính thức.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

3.1.2. Thực trạng kinh doanh du lịch biển

Luận án đã đánh giá chung: Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)

3.1.3. Tác động của BĐKH đến du lịch biển Thanh Hóa

3.1.3.1. Kích bản biến đổi khí hậu tỉnh Thanh Hóa

3.1.3.2. Kích bản biến đổi về lượng mưa

3.1.3.3. Kịch bản nước biển dâng

3.1.3.4. BĐKH tác động đến tài nguyên du lịch

a. Tài nguyên du lịch tự nhiên

- Mưa to với mật độ dày gây làm ngập lụt các đoạn đường đến các địa điểm du lịch, gây sụt lún, bào mòn hệ thống núi đá vôi,... làm mất đi cảnh quan sinh thái khu, điểm du lịch, các hệ thống hang động đẹp như: động Ngọc Hoàng, ở đây còn có các động khác như động Tiên, động Ngọc Nữ, Khu du lịch biển Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia.

- Thành phố Sầm Sơn có bờ biển dài khoảng 6 km từ cửa Lạch Hói đến chân núi Trường Lệ; khu vực du lịch biển xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; khu vực du lịch biển Nghi Sơn, Hải Hòa, Tĩnh Gia; biển Hải Tiến, Hoảng Hóa... hiện tượng sạt lở, xâm thực bờ biển do biến đổi khí hậu và nước biển dâng những năm vừa qua.

Tính từ năm 2005 đến nay, bờ biển khu vực này đã bị xâm thực sâu hơn 70m, làm mất đi hơn 30 ha rừng phòng hộ ven biển, chỗ hẹp nhất chỉ còn 70 m (tính từ mép nước phía biển sang mép nước phía sông), đe dọa trực tiếp tính mạng và tài sản của người dân, gây nguy cơ xóa sổ hoàn toàn 282 ha diện tích rừng phòng hộ của thôn Tân và thôn Tiến. Hiện tượng xâm thực có thể làm mất khu tránh trú bão tự nhiên cho tàu thuyền của ngư dân trong khu vực. nước mặn sẽ xâm nhập sâu và nội địa, giết chết nhiều loài động và thực vật nước ngọt của hệ sinh thái

- Hệ sinh thái biển tại các vùng biển du lịch Thanh Hóa sẽ bị tổn thương. Các rặng san hô là nơi sinh sống của nhiều loài hải sản quan trọng và nhiều loài sinh vật biển khác, là lá chắn chống xói mòn bờ biển và bảo vệ rừng ngập mặn, sẽ bị suy thoái do nhiệt độ nước biển tăng và đồng thời mưa nhiều.

b. Tài nguyên du lịch văn hóa

3.1.3.5. BĐKH tác động đến cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất du lịch biển

Hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông có ý nghĩa đặc biệt đối hoạt động phát triển du lịch bởi du lịch liên quan chặt chẽ đến vận chuyển khách du lịch từ nơi cư trú thường xuyên của họ đến các địa điểm tham quan, nghỉ dưỡng du lịch.

Bão, lũ với cường độ lớn sẽ gây thiệt hại, nhiều trường hợp làm hư hỏng, mất mát các công trình xây dựng, kể cả công trình dịch vụ du lịch.

3.1.3.6. BDKH Tác động đến hoạt động du lịch lữ hành

Một trong những điều kiện quan trọng để tổ chức thực hiện chương trình du lịch là điều kiện về khí hậu, thời tiết.

Trong điều kiện thời tiết mưa, gió, tầm nhìn hạn chế, hoạt động tham quan du lịch, hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, v.v. trong một chương trình du lịch (tour du lịch) sẽ bị hạn chế và trong nhiều trường hợp thời tiết nguy hiểm sẽ bị huỷ bỏ thay đổi.

3.1.3.7. BDKH Tác động đến các hoạt động du lịch biển

Đọc theo bờ biển có nhiều bãi cát trắng mịn thoải, sóng biển êm dịu dễ tắm, hệ sinh thái bao quanh rất đa dạng, sở hữu không gian biển tự nhiên rộng đẹp, khung cảnh bình yên thoải mái, nước biển có độ mặn vừa phải và thuận tiện đi lại ... là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch biển.

Tuy nhiên, hiện nay BDKH không chỉ tác động đến các tài nguyên du lịch mà còn tác động trực tiếp đến cơ sở hạ tầng du lịch và các hoạt động lữ hành ở các địa điểm du lịch biển Thanh Hóa.

3.2. Kết quả phân tích bảng hỏi

3.2.1. Thống kê mô tả mẫu khảo sát chính thức

Theo số lượng cỡ mẫu đã được tính ở phần phân phương pháp nghiên cứu, cỡ mẫu tối thiểu để đảm bảo mức độ tin cậy của kết quả nghiên cứu chỉ là 384. Tuy nhiên trong thực tế khảo sát online thì số lượng mẫu nghiên cứu thu được có 852 mẫu hợp lệ, nên NCS sử dụng tất cả các mẫu hợp lệ để phân tích.

3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố cho tất cả mọi biến trong mô hình được thực hiện với phương pháp rút trích nhân tố là “Principal Axis Factoring” với phương pháp xoay là “Promax. Một số tiêu chuẩn khi thực hiện phân tích EFA:

- Thứ 1: hệ số KMO (Kaiser – Meyer – Olkin) ≥ 0.5 . Mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett ≤ 0.05 . (Hair và cộng sự, 2010).

- Thứ 2: Hệ số tải nhân tố (factor loading) ≥ 0.5 . Chênh lệch hệ số tải của 1 biến quan sát lên các nhân tố phải từ 0.3 trở lên để đảm bảo độ phân biệt giữa các nhân tố. Nếu biến quan sát có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.5 hoặc chênh lệch hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.3 sẽ bị loại. (Hair và cộng sự, 2010)

- Thứ 3: thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$. (Hair và cộng sự, 2010).
- Thứ 4: Hệ số Eigenvalue có giá trị ≥ 1 . (Hair và cộng sự, 2010).

EFA lần 1:

Kiểm định KMO có hệ số KMO = 0.936 (tức là > 0.5); kiểm định Bartlett có Sig.=0.000 (tức là nhỏ hơn mức ý nghĩa 0.05), có nghĩa là các biến có quan hệ với nhau. Điều này cho thấy phân tích EFA là rất thích hợp. Tại mức giá trị Eigenvalues = 1.264 (>1), EFA đã rút trích được 8 nhân tố (*đúng bằng số nhân tố so với mô hình nghiên cứu đề xuất*) từ 50 biến quan sát với tổng phương sai trích là 53.515% ($>50\%$). Các biến quan sát có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.5 hoặc các biến tải lên nhiều hơn một nhân tố với chênh lệch các hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.3 phải bị loại. Theo đó, các biến bị loại bao gồm: HB3. Sau đó thực hiện EFA lần 2.

EFA lần 2:

Kiểm định KMO có hệ số KMO = 0.936 (tức là > 0.5); kiểm định Bartlett có Sig.=0.000 (tức là nhỏ hơn mức ý nghĩa 0.05), có nghĩa là các biến có quan hệ với nhau. Điều này cho thấy phân tích EFA là rất thích hợp.

Tại mức giá trị Eigenvalues = 1.264 (>1.0), EFA đã rút trích được 8 nhân tố từ 49 biến quan sát với tổng phương sai trích là 54.078% ($>50\%$) và không có nhân tố mới được hình thành so với mô hình nghiên cứu đề xuất ban đầu. Trong lần EFA này, các biến quan sát có hệ số tải nhân tố dao động từ 0.567 đến 0.939 (tức là đều lớn hơn 0.5). Như vậy, sau khi phân tích EFA lần 2 thì 49 biến quan sát này đã đảm bảo các tiêu chuẩn phân tích EFA (đã đạt yêu cầu về độ hội tụ và độ phân biệt) nên không có biến nào bị loại ở giai đoạn này. Chi tiết kết quả phân tích ma trận xoay EFA được trình bày tại Bảng 3.8.

Để đảm bảo độ tin cậy của các thang đo, tiếp tục thực hiện Cronbach's Alpha đối với 49 biến quan sát thuộc 8 nhân tố được giữ lại sau khi phân tích EFA. Kết quả phân tích cho thấy: thang đo 8 nhân tố rút trích được sau phân tích EFA đáp ứng được các tiêu chuẩn của phân tích Cronbach's Alpha. Điều này có nghĩa rằng các thang đo này đảm bảo tốt độ tin cậy để thực hiện tiếp các phân tích tiếp theo. Chi tiết kết quả phân tích Cronbach's Alpha sau khi EFA được trình bày chi tiết tại **Phụ lục 3.2**

Như vậy, từ kết quả phân tích Cronbach's Alpha trước và sau EFA cũng như kết quả phân tích EFA, có thể kết luận sơ bộ các thang đo bao gồm 39 biến quan sát thuộc 8 nhân tố như trình bày tại Bảng 3.8 đạt yêu cầu về độ giá trị hội tụ, độ giá trị phân biệt và độ tin cậy. Bộ thang đo gồm **49 biến quan sát này sẽ được tiếp tục kiểm định và phân tích nhân tố khẳng định (CFA) để có kết luận cuối cùng về giá trị của chúng.**

3.2.3. Phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Để kiểm định giá trị phân biệt của tất cả các khái niệm nghiên cứu trong mô hình nghiên cứu, một mô hình tối hạn được thiết lập, với các khái niệm nghiên cứu được tự do quan hệ với nhau.

3.2.3.1. Đánh giá mức độ phù hợp chung của mô hình

Kết quả CFA cho thấy mô hình tối hạn có 1099 bậc tự do, giá trị kiểm định chi-square= 2208.549 với P-value = 0.000 và chi-square/df = 2.010 đạt yêu cầu < 3 và các chỉ số chỉ ra mô hình phù hợp với dữ liệu thị trường (CFI= 0.946, GFI=0.899, TLI=0.942 thỏa yêu cầu > 0.9, RMSEA= 0.034 < 0.08). Theo Hair và cộng sự (2011), chỉ số GFI > 0.8 vẫn có thể chấp nhận được. Vì vậy, có thể kết luận mô hình đảm bảo mức độ phù hợp chung.

Theo Steenkamp & Van Trijp (1991) thì mức độ phù hợp của mô hình đo lường với dữ liệu thị trường cho chúng ta điều kiện cần và đủ để cho tập biến quan sát đạt được tính đơn hướng. Kết quả phân tích CFA cho thấy mô hình đo lường của thang đo trong mô hình tối hạn phù hợp với dữ liệu thị trường và không có trường hợp các sai số của các biến quan sát có tương quan với nhau, do đó tập biến quan sát được tính đơn hướng.

- P-value < 0.05
- Chi-square/df < 2
- CFI, GFI, TLI > 0.9
- RMSEA < 0.08

3.2.3.2. Kiểm tra hiện tượng thiên lệch phương pháp thông thường CBM

Trong nghiên cứu chính thức, dữ liệu được xử lý trên phần mềm SPSS 23.0, bằng việc phân tích EFA, cố định 1 yếu tố và không xoay nhân tố. Theo gợi ý của Podsakoff (2003), Harman (2010), kết quả phân tích đơn nhân tố của Harman (Harman's single-factor Test) bằng EFA cho thấy đơn nhân tố giải thích 23.757% của tổng biến thiên. Trong trường hợp này, CMB không xảy ra, không phải là vấn đề nghiêm trọng.

3.2.3.3. Đánh giá độ tin cậy tổng hợp (CR) và phương sai trích (AVE)

Kiểm định độ tin cậy của các thang đo ở bảng 3.10 cho thấy phương sai trích (ρ_{vc}) và hệ số tin cậy tổng hợp (ρ_c) của các thành phần đều đạt yêu cầu. Hệ số tin cậy tổng hợp (ρ_c) dao động từ 0.827 đến 0.917 (thỏa yêu cầu ≥ 0.70) và tổng phương sai trích dao động từ 50.2% đến 67.3% (thỏa yêu cầu $\geq 50\%$). Điều này cho thấy thang đo đảm bảo độ tin cậy.

Độ tin cậy tổng hợp (ρ_c) và tổng phương sai trích (ρ_{vc}) được tính theo công thức sau:

$$\rho_c = \frac{(\sum_{i=1}^p \lambda_i)^2}{(\sum_{i=1}^p \lambda_i)^2 + \sum_{i=1}^p (1-\lambda_i)^2}; \rho_{vc} = \frac{\sum_{i=1}^p \lambda_i^2}{\sum_{i=1}^p \lambda_i^2 + \sum_{i=1}^p (1-\lambda_i^2)}$$

Trong đó: λ_i là trọng số chuẩn hóa của biến quan sát thứ i , $(1 - \lambda_i^2)$ là phương sai của sai số đo lường biến quan sát thứ i và p là số biến quan sát của thang đo.

3.2.3.4. Đánh giá độ hội tụ

Phương sai trích trung bình lớn hơn 50% và hệ số tin cậy tổng hợp lớn hơn 0.70 như vừa trình bày mục (kiểm định độ tin cậy thang đo). Thêm vào đó, các hệ số tải của các biến quan sát lên nhân tố tương ứng có giá trị dao động từ 0.629 đến 0.876 (chi tiết tại bảng 3.11), tức thỏa yêu cầu lớn hơn 0.50. Từ đó, có thể kết luận rằng thang đo trong mô hình đảm bảo tốt giá trị hội tụ.

3.2.3.5. Đánh giá độ phân biệt

Giá trị phân biệt cho thấy tính duy nhất hoặc tính khác biệt của một cấu trúc khi so sánh với các cấu trúc khác trong mô hình. Fornell và Larcker (1981) khuyến nghị rằng tính phân biệt được tìm thấy khi căn bậc 2 của AVE cho mỗi biến tiềm ẩn cao hơn các giá trị tương quan khác trong số các cấu trúc khác.

Kết quả phân tích cho thấy:

- $MSV < AVE$
- $ASV < AVE$
- Căn bậc 2 của AVE cho mỗi biến tiềm ẩn cao hơn các giá trị tương quan khác trong số các cấu trúc khác (Hair J. B., 2010).

Các giá trị nằm trên đường chéo là căn bậc 2 của AVE của nhân tố. Các giá trị nằm dưới đường chéo là mối tương quan giữa các cấu trúc tương

ứng trong mô hình. Giá trị phân biệt đối với tất cả các cấu trúc đạt được khi giá trị đường chéo cao hơn các giá trị trong hàng và cột của nó. Dựa vào bảng 3.13, có thể kết luận rằng tính giá trị phân biệt cho cả 8 cấu trúc trong mô hình nghiên cứu đã đạt được. Vì vậy kết luận các cặp khái niệm đảm bảo giá trị phân biệt với nhau.

3.2.4. Kiểm định mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

3.2.4.1. Kiểm định mô hình lý thuyết chính thức

Kết quả ước lượng của mô hình lý thuyết chính thức được trình bày ở hình 3.13. Có 5 khái niệm chính trong mô hình. Trong đó:

Phát triển du lịch bền vững là khái niệm bậc 2 gồm 3 khái niệm bậc 1 là: Bền vững về môi trường (BVMT), Bền vững kinh tế (BVKT) và Bền vững văn hóa (BVVH).

Hiểu biết về BDKH, Tác động của BDKH, Hành vi của các bên liên quan đến BDKH, Thích ứng với biến đổi khí hậu (TU) và Giảm thiểu biến đổi khí hậu (GTH) là các khái niệm bậc 1.

Kết quả phân tích cấu trúc tuyến tính với phương pháp ước lượng ML cho thấy mô hình có 1115 bậc tự do. Tuy giá trị Chi-square có $p = .000$ (Chi-square = 2452.396) nhưng Chi-square điều chỉnh theo bậc tự do CMIN/df có giá trị là 2.199 (đảm bảo yêu cầu nhỏ hơn 3.00). Ngoài ra các chỉ tiêu khác đều đạt yêu cầu CFI = .935; TLI = .931; (tất cả đều đạt yêu cầu > .90) và RMSEA = .038 (đạt yêu cầu < .080). Như vậy, chúng ta có thể kết luận là mô hình này phù hợp với dữ liệu thu thập từ thị trường.

Tất cả những mối tương quan được giả thuyết trong mô hình nghiên cứu được chứng minh bằng kiểm định mô hình SEM. Kết quả ước lượng (chuẩn hóa) của các tham số chính được trình bày trong bảng 3.14. Bảng trọng số của mô hình cho thấy, tương quan giữa các thành phần trong mô hình

3.2.4.2. Kiểm định ước lượng mô hình bằng Bootstrap

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp bootstrap với số lượng mẫu lặp lại $N=1000$. Kết quả ước lượng từ 1000 mẫu được tính trung bình kèm theo độ chệch được trình bày trong bảng 3.16. Chúng ta thấy độ chệch tuy xuất hiện nhưng không nhiều và lớn (từ 0.000 đến 0.002) và giá trị tới hạn $CR \leq 2.0$. Vì vậy, ta có thể kết luận các ước lượng trong mô hình có thể tin cậy được.

Mean: giá trị ước lượng trung bình; SE: sai lệch chuẩn; SE-SE: sai lệch chuẩn của sai lệch chuẩn; Bias: độ chệch; SE-Bias: sai lệch chuẩn của độ chệch.

3.2.4.3. Kiểm tra vai trò của biến trung gian

Một biến được gọi là biến trung gian khi nó tham gia giải thích cho mối quan hệ giữa biến độc lập và phụ thuộc (Baron & Kenny 1986).

Để kiểm tra xem biến Thích ứng với biến đổi khí hậu (TU) và Giảm thiểu biến đổi khí hậu (GTH) có đóng vai trò là biến trung gian trong mối quan hệ giữa Hành vi của các bên liên quan đến BDKH (HV) và Phát triển du lịch bền vững (BVDL), nghiên cứu này sử dụng phân tích SEM với phương pháp Bootstrap để kiểm tra tác động trực tiếp và gián tiếp của giữa Hành vi của các bên liên quan đến BDKH (HV) và Phát triển du lịch bền vững (BVDL) thông qua Thích ứng với biến đổi khí hậu (TU) và Giảm thiểu biến đổi khí hậu (GTH).

Một biến được xem là biến trung gian khi tác động gián tiếp của biến độc lập lên biến phụ thuộc thông qua biến trung gian đó có ý nghĩa thống kê. Theo Iacobucci và cộng sự (2007):

- Biến đóng vai trò trung gian toàn phần khi tác động trực tiếp của biến độc lập lên biến phụ thuộc (khi có biến trung gian) không có ý nghĩa thống kê và tác động gián tiếp có ý nghĩa thống kê.
- Biến đóng vai trò trung gian một phần khi tác động trực tiếp của biến độc lập lên biến phụ thuộc (khi có biến trung gian) có ý nghĩa thống kê và tác động gián tiếp có ý nghĩa thống kê.

Giả thuyết H9, kết quả phân tích cho thấy rằng ảnh hưởng gián tiếp $a*b = 0.091$ với giá trị $p < 0.05$ có ý nghĩa thống kê. Nên : Giảm nhẹ đối với BDKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững. Do đó, giả thuyết H9 được hỗ trợ.

Giả thuyết H10, kết quả phân tích cho thấy rằng ảnh hưởng gián tiếp $a*b = 0.123$ với giá trị $p < 0.05$ có ý nghĩa thống kê. Nên Thích ứng đối với BDKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững. Do đó, giả thuyết H10 được hỗ trợ.

3.3. Hành vi của các bên liên quan trước tác động của biến đổi khí hậu trong du lịch ở Thanh Hóa

- Hành vi của khách du lịch nội địa

- + *Chọn phương tiện giao thông ít gây ô nhiễm*
- + *Tiết kiệm năng lượng và tài nguyên*
- + *Ngày càng hạn chế sử dụng nhựa và đồ một lần*
- + *Hỗ trợ du lịch bền vững*
- + *Tăng cường nhận thức và giáo dục*
- + *Bảo vệ thiên nhiên và văn hóa địa phương*
- *Hành vi của người dân địa phương:*
 - + *Giảm lượng rác thải*
 - + *Bảo vệ và tái tạo môi trường tự nhiên*
 - + *Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm*
 - + *Tăng cường nhận thức và giáo dục*
 - + *Khuyến khích du lịch bền vững*
- *Hành vi của chính quyền địa phương*
 - + *Nghiên cứu và đánh giá tác động*
 - + *Quản lý tài nguyên tự nhiên*
 - + *Thúc đẩy du lịch bền vững*
 - + *Hợp tác với các bên liên quan*
- *Doanh nghiệp du lịch:*
 - + *Xây dựng các hoạt động du lịch bền vững*
 - + *Đầu tư vào công nghệ xanh*
 - + *Tích cực giảm thiểu lượng chất thải*

CHƯƠNG 4: THẢO LUẬN, HÀM Ý VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

4.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Thứ nhất, Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi của các bên liên quan đến BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0,28$) với ý định tham gia vào các hành vi có thể giúp họ nâng cao nhận thức về tác động của BĐKH, hiểu rõ các hiện tượng thời tiết khắc

nghiệt ngày càng gia tăng (bão, lũ lụt, hạn hán, cuồng phong, nước biển dâng v.v.) gây ảnh hưởng đến sự an toàn, sức khỏe con người, gia tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm và ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch biển.

Thứ hai, Hiểu biết về biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi của các bên liên quan đến BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.286$) với ý định đồng ý rằng trái đất đã nóng lên, các bên liên quan hiểu biết được BĐKH thông qua rất nhiều kênh thông tin khác nhau như: internet, truyền hình, đài phát thanh, báo chí, cơ quan trung ương, cơ quan chính quyền địa phương, người thân hoặc bạn bè hoặc trực tiếp tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các chiến dịch bảo vệ môi trường, các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp, các lớp tập huấn nâng cao nhận thức... Sự hiểu biết về BĐKH sẽ giúp các bên liên quan có ý định thực hành hành vi lan tỏa sang những cá nhân khác trong cộng đồng địa phương, trong doanh nghiệp, trong cơ quan quản lý và trong khu vực và dần dần mở rộng, lan tỏa ra các vùng khác về những tác động của biến đổi khí hậu sẽ mang lại cho chúng ta điều gì đó, có cả tác động tích cực và tác động tiêu cực.

Thứ ba, Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến giảm nhẹ với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.38$) với ý định chấp nhận phát triển du lịch biển bền vững cần tối ưu hóa sản phẩm, dịch vụ du lịch biển thân thiện với môi trường, sử dụng các nguyên liệu, vật liệu tái chế có thể dùng nhiều lần, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, xử dụng năng lượng các-bon thấp trong du lịch.

Thứ tư, Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến thích ứng với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.478$) với ý định chấp nhận nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Ý định chấp nhận nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các nhân các bên liên quan được thúc đẩy khi họ cảm thấy bắt buộc về mặt tự nhiên, tức là tác động của BĐKH chỉ có thể thích ứng cần phù hợp với tự nhiên, nguồn lực của từng cá nhân, tập thể, thể chế chính trị, văn hóa và từng bối cảnh thời kỳ khác nhau.

Thứ năm, hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến giảm nhẹ với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.264$) với ý định chấp nhận giảm nhẹ tác động BĐKH. Các hành vi hàng ngày của các nhân là chìa khóa để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Mỗi cá nhân thực

hiện và mọi quyết định cá nhân đưa ra với tư cách cá nhân cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến những nỗ lực toàn cầu liên quan đến biến đổi khí hậu.

Hành vi của mỗi cá nhân quan trọng, tiếng nói của mỗi cá nhân quan trọng và ý tưởng của mỗi cá nhân quan trọng vì mỗi cá nhân là giải pháp giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Thứ sáu, hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến thích ứng với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.228$) với ý định chấp nhận thích ứng với BĐKH. Khác với hành vi giảm nhẹ BĐKH, hành vi thích ứng mang tính vĩ mô hơn, cá nhân khó khăn hơn trong việc thể hiện hành vi cá nhân, vì cần đến nguồn lực lớn hơn, do đó hành vi thích ứng hiệu quả cần có sự đồng lòng, phối hợp liên ngành để có thể áp dụng các công nghệ carbon thấp và chống chịu khí hậu.

Thứ bảy, giảm nhẹ đối với BĐKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.344$) với ý định chấp nhận bền vững về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường. Phát triển du lịch biển bền vững là xu thế phát triển tất yếu, khách quan của du lịch đang được các nước trên thế giới quan tâm nhằm không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn cho cả tương lai. Phát triển du lịch biển còn theo hướng bền vững, có nghĩa là về mặt sinh thái phải được đảm bảo lâu dài, đồng thời có hiệu quả về mặt kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội. Muốn phát triển du lịch biển một cách bền vững, thì hệ thống các chính sách, môi trường pháp lý phải luôn được đảm bảo thông thoáng, minh bạch và ổn định, một trật tự xã hội được tôn trọng.

Thứ tám, thích ứng với BĐKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.538$) với ý định chấp nhận bền vững về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường thông qua các hoạt động đồng xây dựng các chính sách cụ thể có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, hoạt động và các sản phẩm du lịch biển phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chính sách phải rõ ràng đối với việc bảo vệ tài nguyên và các khu điểm du lịch khỏi tác động của BĐKH. Thiết lập kế hoạch phát triển du lịch biển bền vững cần dựa trên nhiều cách tiếp cận bao gồm cách tiếp cận kinh tế, vật chất, môi trường và cộng đồng.

4.2. Hàm ý nghiên cứu

Bên cạnh đó, phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa cần sự đóng góp và hành động đồng bộ của nhiều bên liên quan, bao gồm các

chính quyền địa phương, các nhà cung cấp dịch vụ du lịch, cộng đồng địa phương và khách du lịch. Việc các bên liên quan có hành vi đóng góp tích cực có thể giúp du lịch biển Thanh Hóa phát triển bền vững trong bối cảnh BĐKH, trong khi các hành vi tiêu cực có thể gây ra hậu quả đáng tiếc. Dưới đây là một số hàm ý khuyến nghị cho các bên liên quan:

4.2.1. *Cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế:*

4.2.2. *Các nhà cung cấp dịch vụ du lịch*

4.2.3. *Khách du lịch*

4.2.4. *Mạng lưới truyền thông và nghiên cứu*

4.2.5. *Cộng đồng dân cư địa phương*

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy Thanh Hóa có tài nguyên du lịch biển phong phú và nhiều tiềm năng phát triển mạnh mẽ trong tương lai. Sự hấp dẫn của những bãi biển đẹp chưa được khám phá mang đến nhiều cơ hội thú vị cho khách du lịch. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, du lịch biển Thanh Hóa sẽ là một trong những lĩnh vực dễ bị tổn thương. Tác động của BĐKH ở các khu du lịch biển như: Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa, Hải Thanh, Tiên Trang, Nghi Sơn... là nước biển dâng, nhiệt độ tăng, xâm nhập mặn; lượng mưa bất thường; bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt; hạn hán và rét đậm, rét hại.

Bằng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, gồm cả phương pháp định tính và định lượng, kết hợp dựa trên nhiều nền cơ sở lý thuyết phát triển du lịch bền vững... luận án đã thực hiện được mục tiêu là làm rõ thực trạng phát triển du lịch biển bền vững, biểu hiện của BĐKH, tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển và hành vi cá nhân của các bên liên quan trong việc ứng phó với BĐKH tại Thanh Hóa. Với mục tiêu đã nêu, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu trước đây, luận án đã nghiên cứu, giải quyết những vấn đề sau:

Tổng quan các tài liệu nghiên cứu trước đây có liên quan đến du lịch và biến đổi khí hậu trên thế giới, Việt Nam

Luận án đã hệ thống hóa kiến thức về du lịch biển, biến đổi khí hậu, mối quan hệ giữa các khái niệm biến đổi khí hậu và du lịch biển, những tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển, các mô hình thích

ứng du lịch vùng (RTAF) và các Thuyết nền nghiên cứu về du lịch biển trong BDKH: Thuyết hành động hợp lý (TRA), Thuyết các bên liên quan và Thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TPL) để dự đoán các hành vi cá nhân của các bên liên quan trong việc tham gia phát triển du lịch biển bền vững trong bối cảnh đổi khí hậu.

Luận án nhấn mạnh thêm vấn đề quan hệ giữa lợi ích và ý định hành vi ứng phó với BDKH trong phát triển du lịch biển bền vững Thanh Hóa của các bên có liên quan. Những cá nhân liên quan nếu có lợi ích họ có sẵn sàng sẽ phát triển du lịch biển bền vững như thế nào trong bối cảnh BDKH.

Luận án đã khái quát được các điều kiện phát triển du lịch, thực trạng hiện nay về tài nguyên du lịch, phát triển du lịch bền vững toàn tỉnh Thanh Hóa nói chung và của du lịch biển nói riêng. Từ đó tiến hành phân tích SWOT điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh BDKH. Phân tích được các diễn biến của các yếu tố biến đổi khí hậu, các tác động của BDKH đến tài nguyên du lịch, hạ tầng du lịch, môi trường du lịch, các hoạt động du lịch biển Thanh Hóa và đánh giá hiệu quả các giải pháp ứng phó của tỉnh với BDKH.

Luận án đã tìm cách tháo gỡ một số vấn đề chính đã xuất hiện trong các nghiên cứu và tranh luận gần đây về du lịch và biến đổi khí hậu. Mặc dù, nó đã ghi nhận một số phát hiện liên quan đến tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với du lịch, nó đã chỉ ra rằng việc thiếu kiến thức trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả các quy trình và hệ thống du lịch cơ bản, đang hạn chế nghiêm trọng khả năng hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa du lịch và biến đổi khí hậu. Đặc biệt, nó cũng cố nhu cầu nâng cao hiểu biết *"về tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến hành vi của con người như thế nào đối với các mô hình giải trí và lựa chọn điểm đến cho kỳ nghỉ"*

Luận án này đã xác định một số khoảng trống tri thức đáng kể liên quan đến việc hiểu các mối quan hệ giữa du lịch và biến đổi khí hậu. Những lỗ hổng này không chỉ quan trọng đối với tính bền vững của ngành du lịch mà còn đối với các cộng đồng điểm đến và môi trường tự nhiên. Luận án cũng lưu ý rằng các chính sách và biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nếu được thực hiện kịp thời và hiệu quả, có thể tạo ra các đồng lợi ích có giá trị như tăng cường an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

Luận án này cũng xác định, môi trường biển và ven biển là một trong những khu vực quan trọng nhất đối với du lịch biển và giải trí. Sự gia tăng kiến thức và sự quan tâm đến các bờ biển và đại dương, cũng như khả năng tiếp cận công nghệ mới và rẻ hơn, đã tạo ra sự tăng trưởng đáng kể trong các hoạt động diễn ra trong môi trường này. Theo nhiều khía cạnh, sự tham gia, sự thích thú và sự an toàn của những người tham gia được định hình bởi điều kiện thời tiết. Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến các điều kiện thời tiết này, cũng như nhiều tài nguyên khác mà các hoạt động du lịch biển dựa vào đó, chẳng hạn như các bãi biển Sầm Sơn, Hải Tiến, Nghi Sơn.... Các tác động tự nhiên bao gồm mực nước biển dâng, xói mòn bãi biển, tần suất và cường độ gia tăng của các hiện tượng cực đoan, hạn hán, lũ lụt và những thay đổi trong cấu trúc hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Biến đổi khí hậu có thể tác động đến bất kỳ điểm du lịch biển nào. Tác động của biến đổi khí hậu có thể biểu hiện trên cả biển và các vùng đất liền gần bờ biển. Tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động du lịch biển có thể tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm hoạt động du lịch cụ thể và từng điểm đến. Bất chấp sự quan tâm ngày càng tăng của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý du lịch biển về vấn đề này, nhiều tác động và hoạt động hầu như vẫn chưa được khám phá. Nghiên cứu này trình bày tổng quan những kiến thức hiện có về tác động của biến đổi khí hậu đối với các hoạt động du lịch biển và ven biển. Một số lỗ hổng kiến thức đã được xác định, tạo cơ sở cho các nghiên cứu sau này của đề tài. Nghiên cứu thêm về các hoạt động cụ thể, truyền thông liên ngành, đối thoại với các bên liên quan và các chính sách đưa khí hậu vào quy hoạch và quản lý du lịch là những bước cần thiết để giảm thiểu tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu, đồng thời tận dụng những lợi ích mà nó có thể mang lại.

Luận án khẳng định, các bên liên quan đến hoạt động du lịch biển đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH). Chính phủ và các cơ quan quản lý có trách nhiệm xác định và thực hiện chính sách, quy định và quyền hạn pháp lý để quản lý hoạt động du lịch biển. Chính phủ có thể thiết lập các khu vực bảo tồn, quản lý hạ tầng chống ngập và bảo vệ bờ biển, thúc đẩy du lịch bền vững và cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH. Các doanh nghiệp du lịch có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giảm lượng khí thải carbon và tác động môi trường trong hoạt động kinh doanh của họ. Điều này có thể bao gồm sử dụng năng lượng tái tạo, tăng cường hiệu quả năng lượng, quản lý chất thải

và nước thải, và xây dựng các hoạt động du lịch bền vững. Các cộng đồng địa phương và người dân sống trong các khu vực du lịch biển cần được tăng cường nhận thức về tác động của BĐKH và tham gia vào các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ tác động. Họ có thể thực hiện các biện pháp như sử dụng vận chuyển công cộng, tiết kiệm năng lượng và nước, tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên, và thúc đẩy du lịch bền vững trong cộng đồng. Các tổ chức phi chính phủ và tổ chức xã hội có thể chơi vai trò quan trọng trong việc tăng cường nhận thức, giáo dục và xây dựng năng lực cho các bên liên quan khác về thích ứng. Khách du lịch cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) trong hoạt động du lịch biển tiêu dùng có ý thức và ít tác động đến môi trường. Điều này bao gồm việc sử dụng các dịch vụ du lịch bền vững, chọn các phương tiện vận chuyển công cộng hoặc xanh hơn, giảm lượng rác thải và sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hỗ trợ các sản phẩm và hoạt động du lịch có tác động ít đến môi trường, tham gia vào các hoạt động bảo tồn môi trường, hỗ trợ các dự án phục hồi và bảo vệ môi trường, mua sản phẩm địa phương và thúc đẩy kinh tế bền vững cho cộng đồng địa phương, có thể tham gia vào các hoạt động giáo dục, tìm hiểu về các biện pháp bảo vệ môi trường và các dự án bảo tồn, và chia sẻ kiến thức này với người thân và bạn bè để tạo ra sự lan tỏa ý thức và hành động. Đồng thời, khách du lịch có thể cung cấp phản hồi và đánh giá về các hoạt động du lịch và các dịch vụ liên quan đến môi trường. Việc cung cấp phản hồi giúp cải thiện các hoạt động du lịch và môi trường tại điểm đến.

Kết quả phân tích dữ liệu điều tra cho thấy hành vi giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH của các bên liên quan góp phần tích cực cho việc phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa. Điều này cho thấy các bên liên quan có nhận thức khá tốt về bản chất và những tác động của BĐKH. Kết quả phân tích cũng cho thấy, các bên liên quan có hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy hành vi giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH. Khi các bên liên quan có hiểu biết cao về tác động của BĐKH, họ sẽ nhận ra tầm quan trọng của việc thực hiện các biện pháp nhằm giảm tác động môi trường và thích ứng với những thay đổi để hướng tới việc phát triển du lịch biển bền vững. Trên cơ sở đó, Luận án đã luận giải được những hàm ý chính sách nhằm góp phần phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2020), “Sam Son marine tourism adaptation to climate change”, *the 2nd TOURIST conference in Bangkok and hosted by the Faculty of Business Administration, Kasetsart University, Bangkok*. ISBN (e-Book) 978-616-278-573-3. pp.213-225.
2. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2021), “Một số giải pháp phát triển du lịch biển Thanh Hóa ứng phó với biến đổi khí hậu”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững*, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tr. 434-446.
3. Nguyễn Xuân Hải, Nguyễn Thị Ngọc Hà, Trần Đức Thanh (2021), “Đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của phụ nữ tại khu du lịch biển Hải Tiến”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững*, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tr. 542-551.
4. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2021), “Climate Change affecting the marine tourism industry in Thanh Hoa province”, *TED-2021 Proceedings of the International Conference on Culture, Education, and Tourism with Economic Development*. ISBN: 978-604-80-5756-5. pp. 908-918.
5. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2021), “Women’s vulnerability to climate change in tourism industry in coastal areas of Thanh Hoa province”, *Vietnam Women’s Academy in collaboration with The United Nations Entity for Gender Equality and the Empowerment of Women, UNWOMEN*) and NAFOSTED is organizing an International Conference on Women Entrepreneurship and Innovation in the Post-Covid 19 Era. ISBN: 978-604-343-264-0. pp. 135-148.